

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Hoa**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Thị Hoa**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trần Thị Hoa

Mã SV: 1512401028

Lớp: QT1903K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Trình bày cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
  - Phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.
  - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Sử dụng số liệu năm 2018
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm
  - Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày      tháng      năm 20....

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày      tháng      năm 20....

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Trần Thị Hoa

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2020*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị***

**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>5</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....</b>	<b>1</b>
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	1
1.1.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ: .....	1
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: .....	1
1.1.3 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. ....	8
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	9
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	13
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh. ....	16
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác. ....	17
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....	20
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	21
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	21
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	22
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	23
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính .....	24
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM.....</b>	<b>26</b>
2.1. Khái quát về công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:.....	26
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển: .....	26
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty: .....	27
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm: .....	27

2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:.....	30
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán: .....	30
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm: .....	33
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm: .....	33
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.....	40
2.2.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm: .....	46
2.2.4 Thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm.....	51
2.2.5 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm: .....	55
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM .....</b>	<b>66</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm: .....	66
3.1.2: Hạn chế: .....	68
3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm: .....	70
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. ....	70
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>88</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>89</b>

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
Sơ đồ 1-2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	12
Sơ đồ 1.3 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	13
Sơ đồ 1-4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	15
Sơ đồ 1-5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh .....	17
Sơ đồ 1-6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác .....	19
Sơ đồ 1-7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	21
Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung .....	22
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....	23
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	24
Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính...	25
Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty .....	27
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán. ....	30
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.....	32
Sơ đồ 2-4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm .....	33
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.....	40
Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí tài chính tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm .....	51
Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm .....	55



**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0002535 .....	35
Biểu số 2.2: Giấy báo Có .....	36
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0002764 .....	37
Biểu 2.4:Trích sổ Nhật ký chung .....	38
Biểu 2.5: Trích Sổ cái TK 511 .....	39
Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho số 05/11 .....	42
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 15/12.....	43
Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632 .....	45
Biểu số 2.12: HĐ 0002382.....	47
Biểu số 2.13: Phiếu chi số 332.....	48
Biểu 2.14: Trích Sổ Nhật ký chung.....	49
Biểu 2.15: Trích Sổ cái TK 642 .....	50
Biểu 2.16: Giấy báo có số 2152 .....	52
Biểu 2.17: Trích Sổ Nhật ký chung.....	53
Biểu 2.18: Trích Sổ cái TK 515 .....	54
Biểu 2.19: Phiếu kế toán số 32.....	56
Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 33.....	57
Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 34.....	58
Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 35.....	59
Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 36.....	60
Biểu 2.24:Trích Sổ Nhật ký chung.....	61
Biểu 2.25: Trích Sổ cái TK 911 .....	62
Biểu 2.26: Trích Sổ cái TK 821 .....	63
Biểu 2.27: Trích Sổ cái TK 421 .....	64
Biểu 2.28 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	65
Biểu số 3.1 - Sổ chi tiết bán hàng.....	75
Biểu số 3.2 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	76
Biểu số 3.3 - Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng.....	77
Biểu 3.4 - Mẫu Sổ chi tiết tài khoản 911 .....	78
Biểu số 3.5- Sổ chi tiết bán hàng (Nhóm Cùi).....	80
Biểu số 3.6 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	81
Biểu số 3.7 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	82

**LỜI MỞ ĐẦU**

Khi kinh doanh, doanh nghiệp nào cũng mong muốn đạt được lợi nhuận tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí. Do đó, việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào, chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán như thế nào và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm” cho bài khóa luận của mình.

**\*Kết cấu của khóa luận:**

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương:

**Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

**Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm**

**Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm**

Em xin cảm ơn sự tận tình chỉ bảo và giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn – ThS.Nguyễn Thị Mai Linh, cùng các anh chị cô chú trong Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Em đã cố gắng rất nhiều nhưng do hiểu biết còn hạn hẹp nên bài luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em mong nhận được hơn nữa sự chỉ bảo của thầy cô để có thể hoàn thiện hơn về kiến thức và kĩ năng cần có của mình sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

# CHƯƠNG 1:

## LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

### 1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

#### 1.1.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:

Doanh thu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp vì nó giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn để có thể tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý thì đều gây ra khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Chính vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành rất quan trọng trong công tác hạch toán kế toán. Nó góp phần cung cấp cho lãnh đạo công ty các thông tin, dấu hiệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Qua đó, cung cấp được những thông tin cần thiết giúp doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất.

#### 1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

##### 1.1.2.1. Doanh thu:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

Nội dung doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm

hàng hóa, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ *Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng: Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Phương thức gửi hàng cho khách: Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Là phương thức thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- +Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- +Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- +Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- +Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

**Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

*Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:*

Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.
- Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp:

+ Thuế xuất khẩu: là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

+ Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:*

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ *Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:*
- ✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- ✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận.

➤ **Thu nhập khác :**

Là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xoá sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay đã mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.

- Các khoản thu khác.

Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 1.1.2.2. Chi phí :

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

- **Giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:** bao gồm Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

+ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ (dùng chung cho doanh nghiệp), thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng

khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

- **Chi phí khác:**

Chi phí khác phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

### 1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ **Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

**Lợi nhuận từ hoạt động SXKD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh**

Trong đó:



**Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu**

+ **Lợi nhuận từ hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

**Lợi nhuận từ hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính**

+ **Lợi nhuận từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác

**Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác**

✓ **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận hoạt động SXKD + Lợi nhuận hoạt động tài chính + Lợi nhuận khác**

✓ **Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN**

**1.1.3 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu: phản ánh và ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh của các loại hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác, riêng biệt từng loại doanh thu.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí: phản ánh và ghi chép các chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh: tổng hợp doanh thu, chi phí nhằm tính toán ra kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện đóng các khoản thuế cho Nhà nước.

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

## **1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.**

### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

#### **➤ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

#### **➤ Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511 dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty con trong cùng một tập đoàn.
- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ
- Tài khoản 511 bao gồm 6 tài khoản cấp 2
  - + Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
  - + Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
  - + Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
  - + Tài khoản 5118- Doanh thu khác

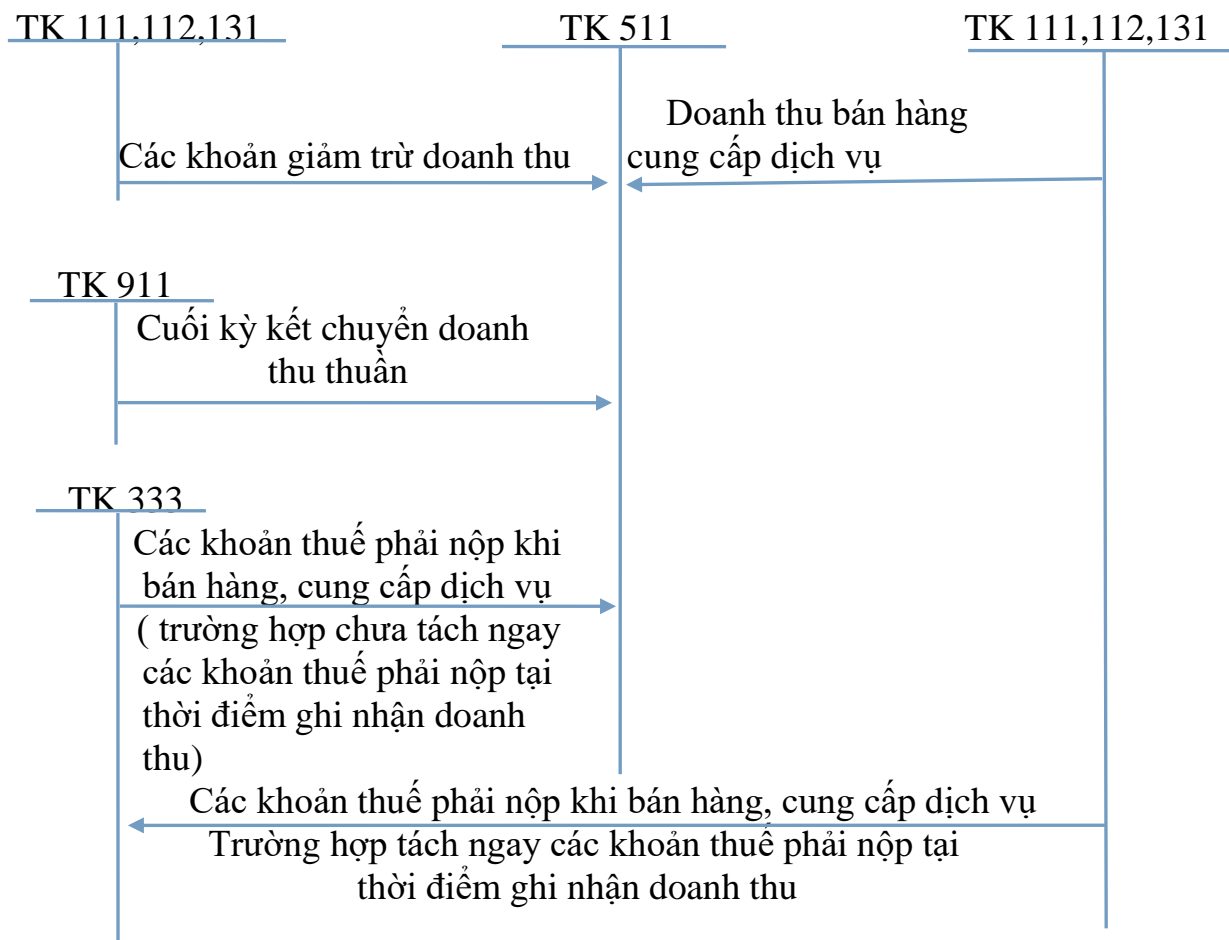
#### **➤ Kết cấu tài khoản 511**

##### **Bên Nợ:**

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)
- Các khoản giảm trừ doanh thu
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

##### **Bên Có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

**Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.**✓ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kì.

Kết cấu tài khoản 632:

**- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

**Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

**Bên Có :**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
  - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
  - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
  - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
  - Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ
- Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

**Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:**

**Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

**Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:**

**Bên Nợ :**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

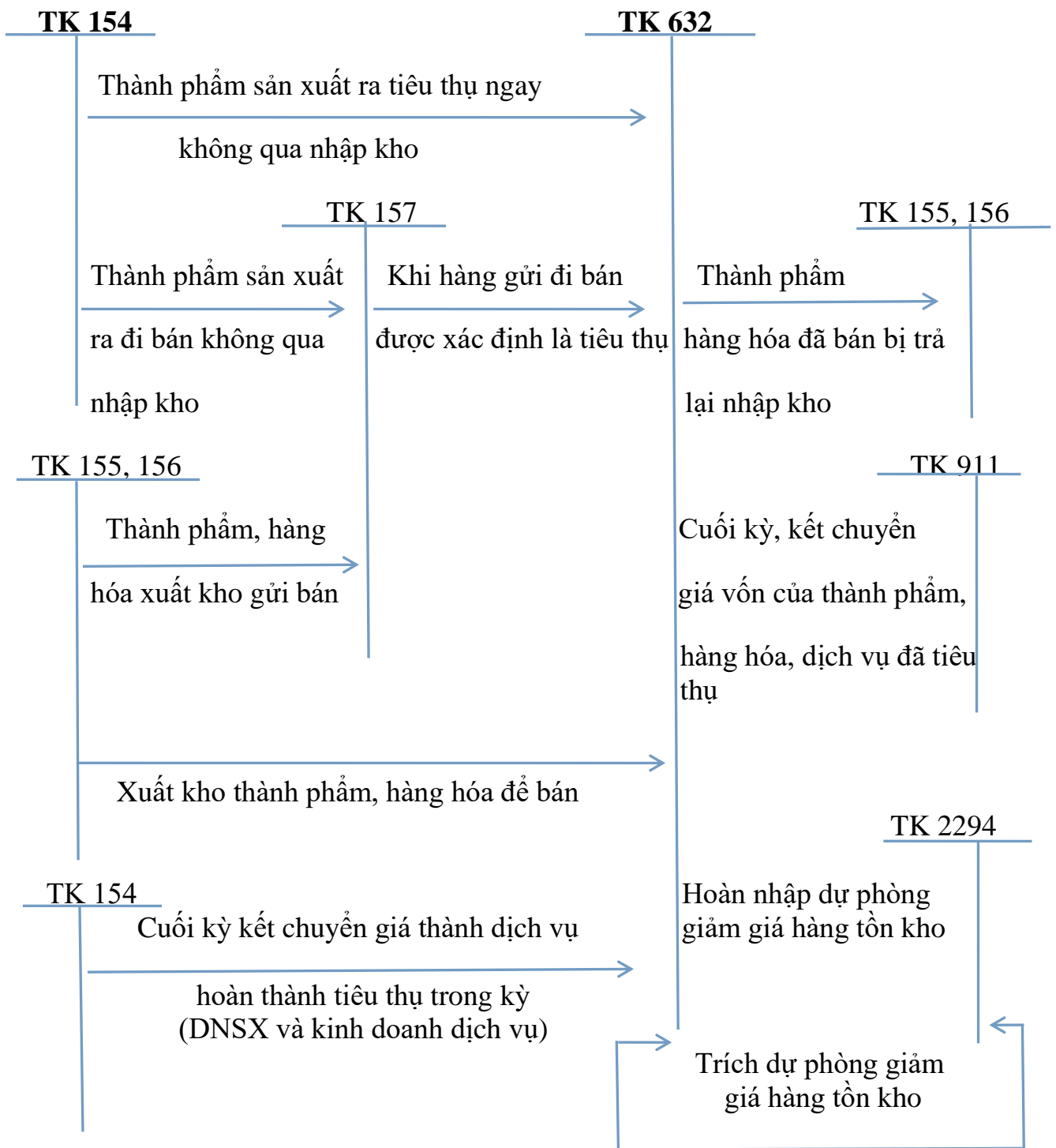
**Bên Có :**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 “Thành phẩm”

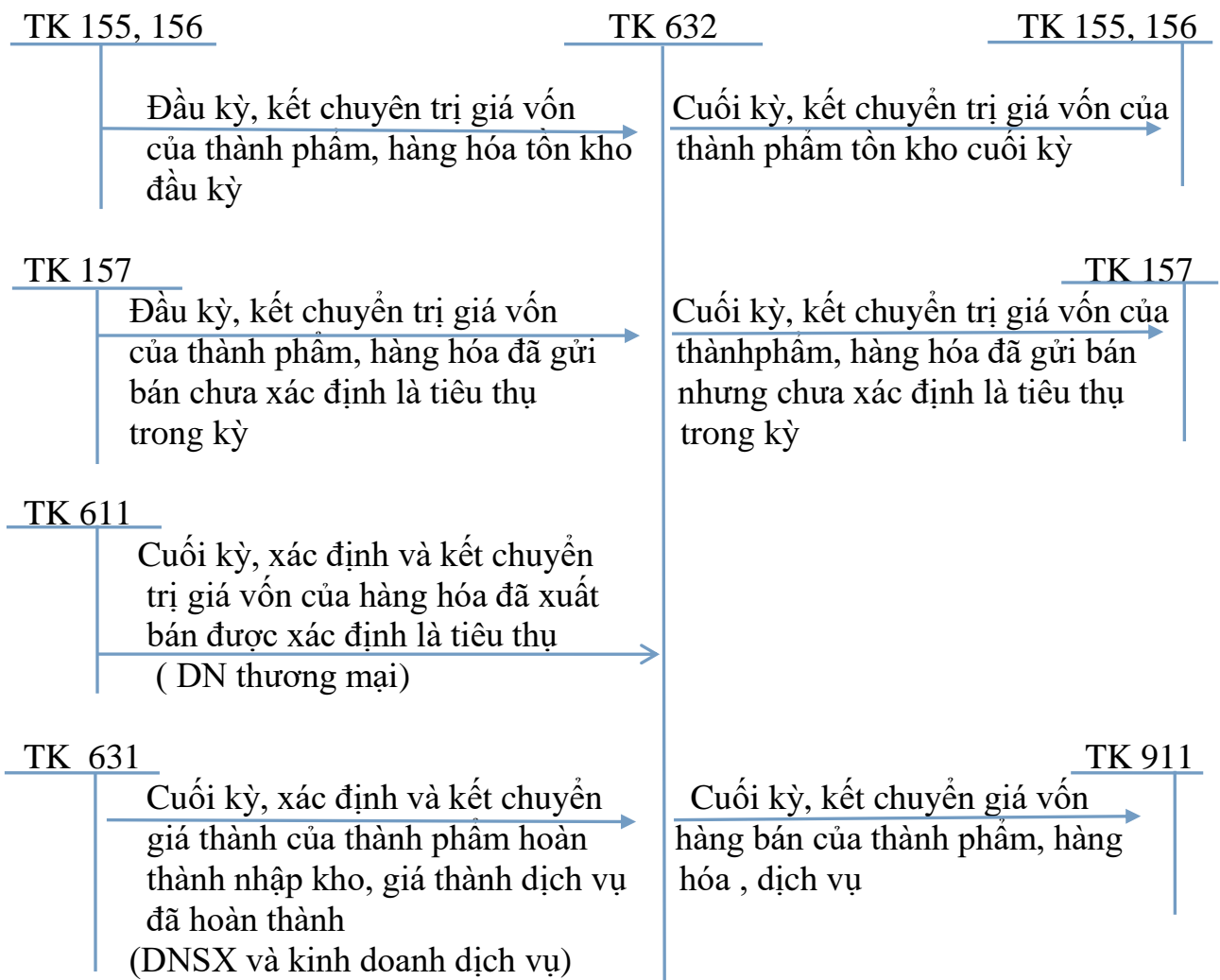
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ **Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1-2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

### 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi, Giấy báo nợ, Giấy báo có (Giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay ...

➤ **Tài khoản sử dụng :**

**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 515

**Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài Khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

### **Bên Có**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh,...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

**Tài khoản 635 - Chi phí tài chính :** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính

Kết cấu tài khoản 635

### **Bên Nợ**

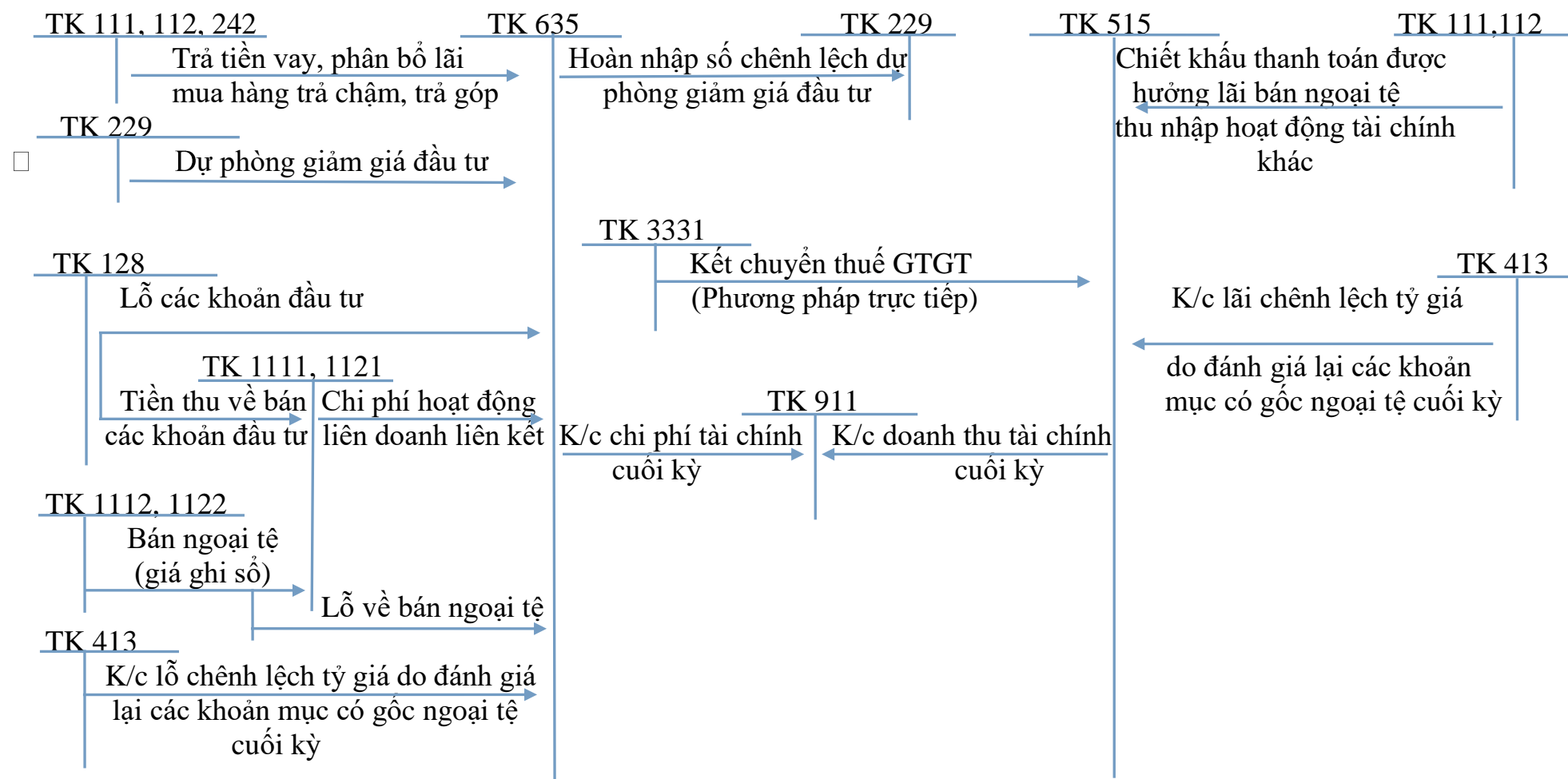
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ. - Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

### **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ





Sơ đồ 1-4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

### 1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

#### ➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo Nợ, Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### ➤ Tài khoản sử dụng

#### Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh:

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

#### Các TK cấp 2:

TK 6421: Chi phí bán hàng

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Kết cấu tài khoản 642

##### Bên Nợ

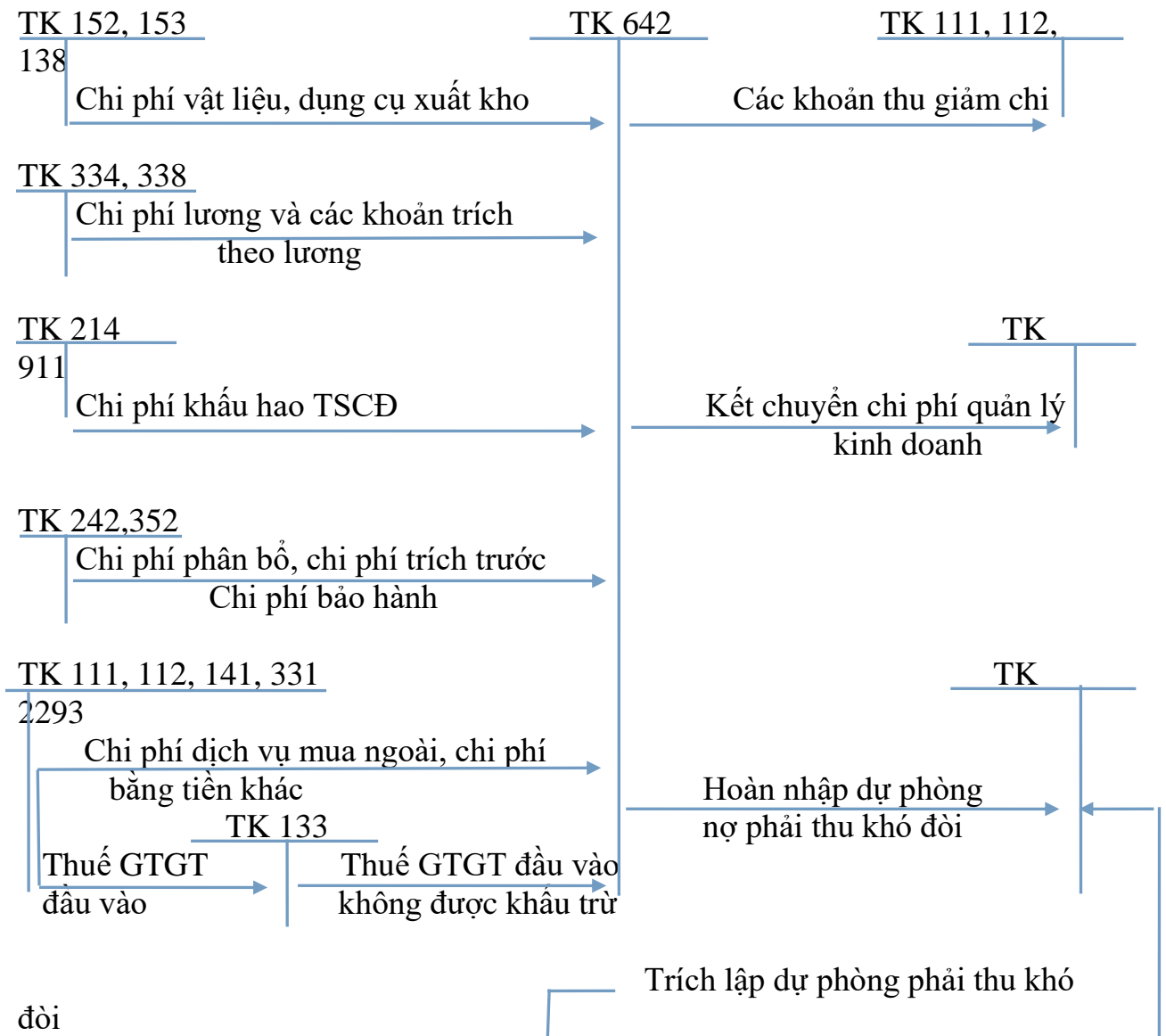
- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

##### Bên Có

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

#### ➤ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1-5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

### 1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

#### ➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Biên bản bàn giao, thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Các giấy tờ khác có liên quan

**Tài khoản sử dụng**

-**Tài khoản 711 - Thu nhập khác:** Tài khoản này dùng để phản ánh các loại thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Kết cấu tài khoản 711****Bên Nợ**

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

-**Tài khoản 811 - Chi phí khác:** Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

**Kết cấu tài khoản 811****Bên Nợ**

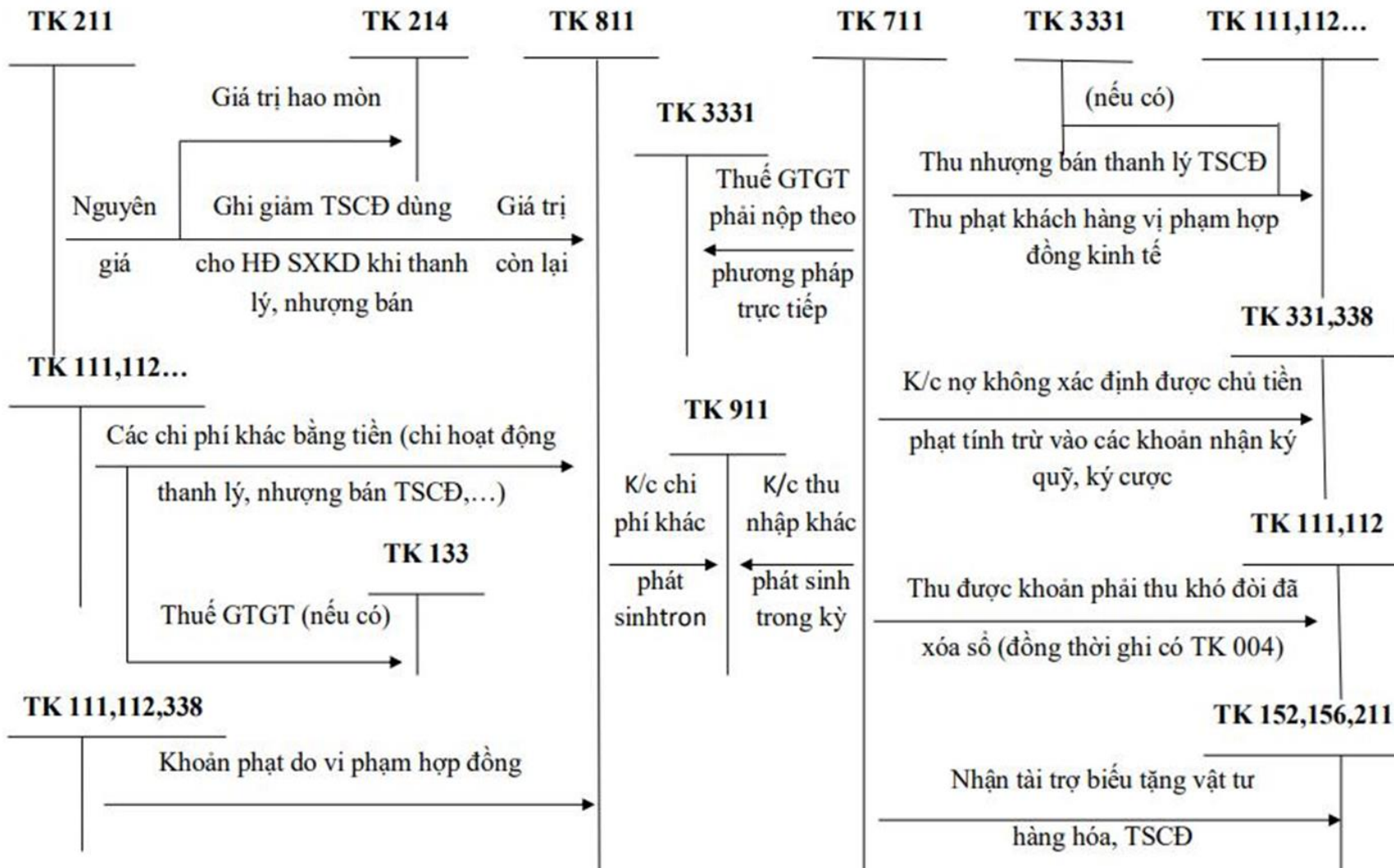
- Các khoản chi phí khác phát sinh

**Bên Có**

-Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

**Phương pháp hạch toán:**



Sơ đồ 1-6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

### **1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

#### **Chứng từ sử dụng**

-Phiếu kế toán

#### **Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh:** Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết cấu tài khoản 911

#### **Bên Nợ**

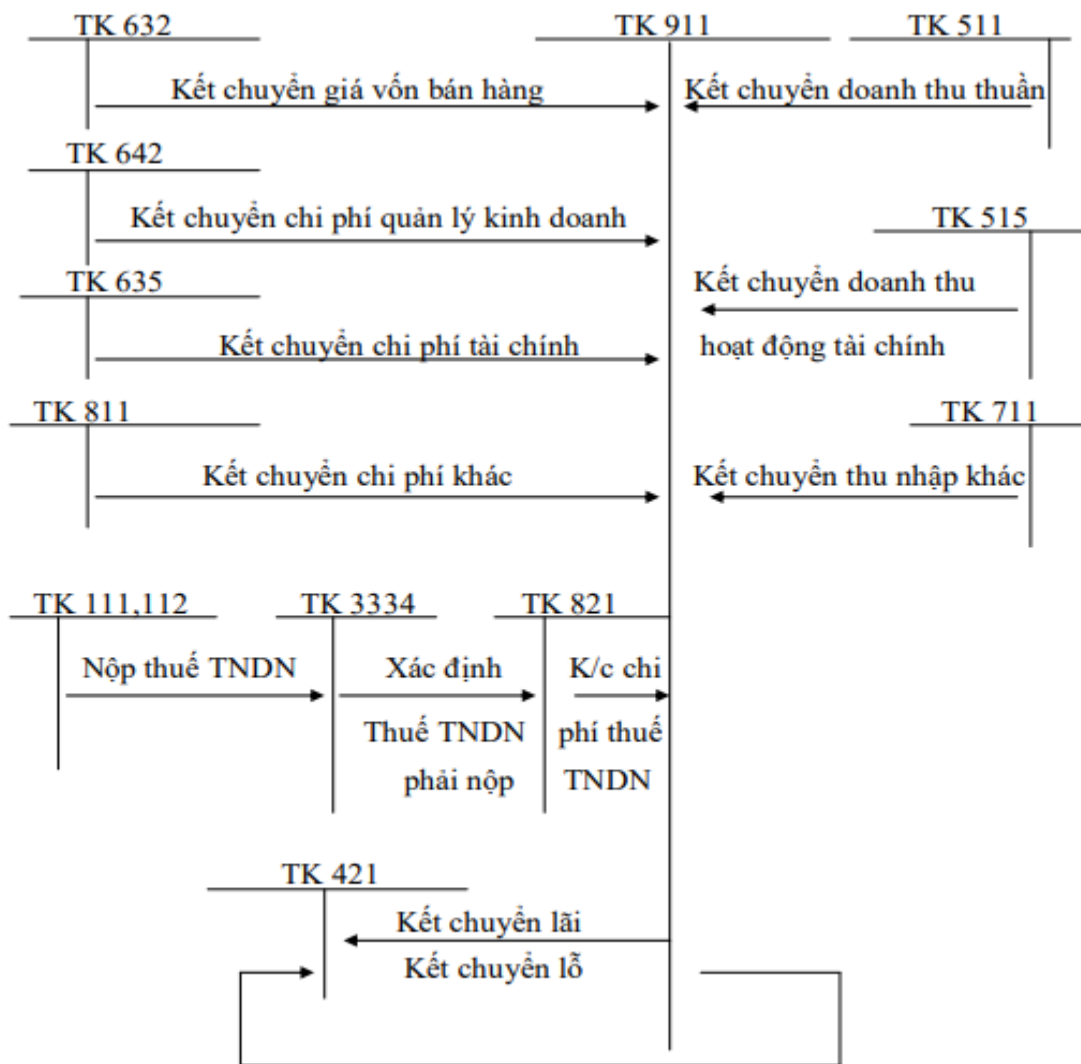
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác, chi phí quản lý kinh doanh;
- Kết chuyển lãi.

#### **Bên Có**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

#### **Phương pháp hạch toán**



Sơ đồ 1-7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

### 1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

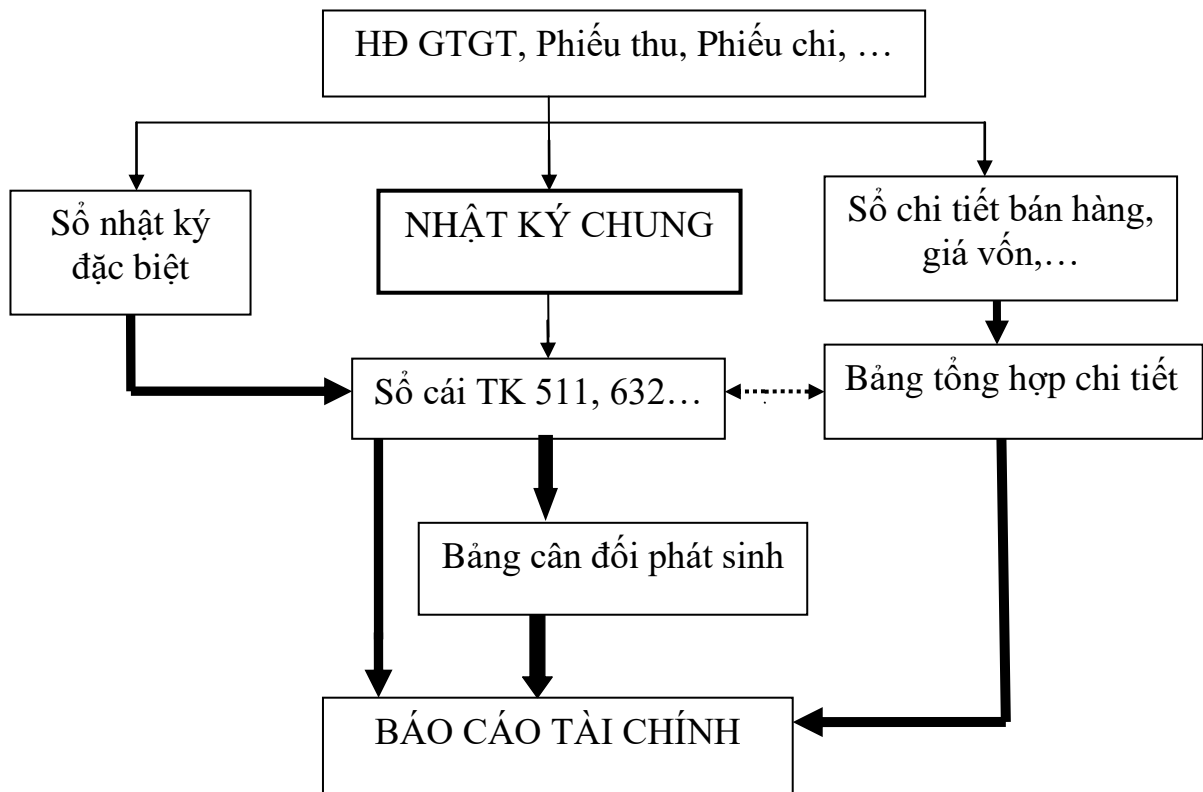
#### 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái.
- Sổ, thẻ chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán

phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.



Ghi chú: Ghi hàng ngày:

Ghi cuối kỳ :

Quan hệ đối chiếu:

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

### 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

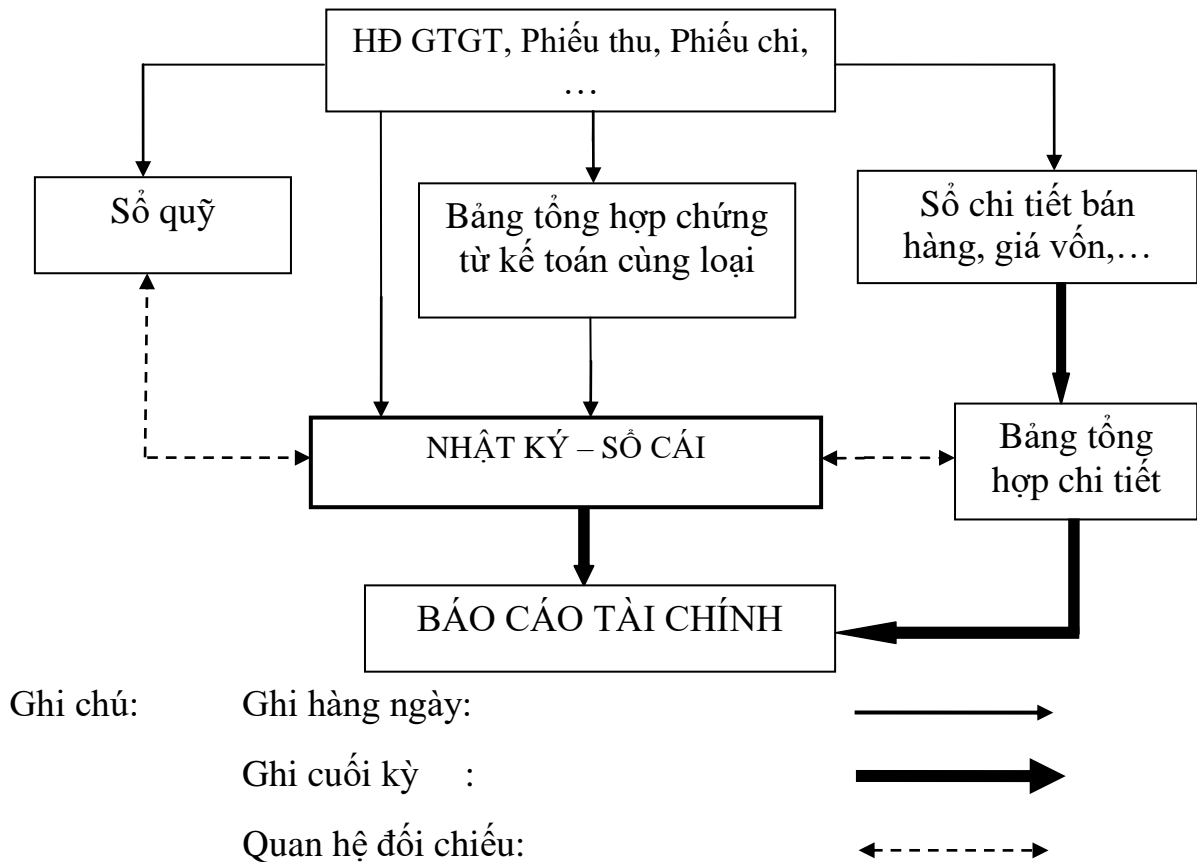
- + Nhật ký – Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành



cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.



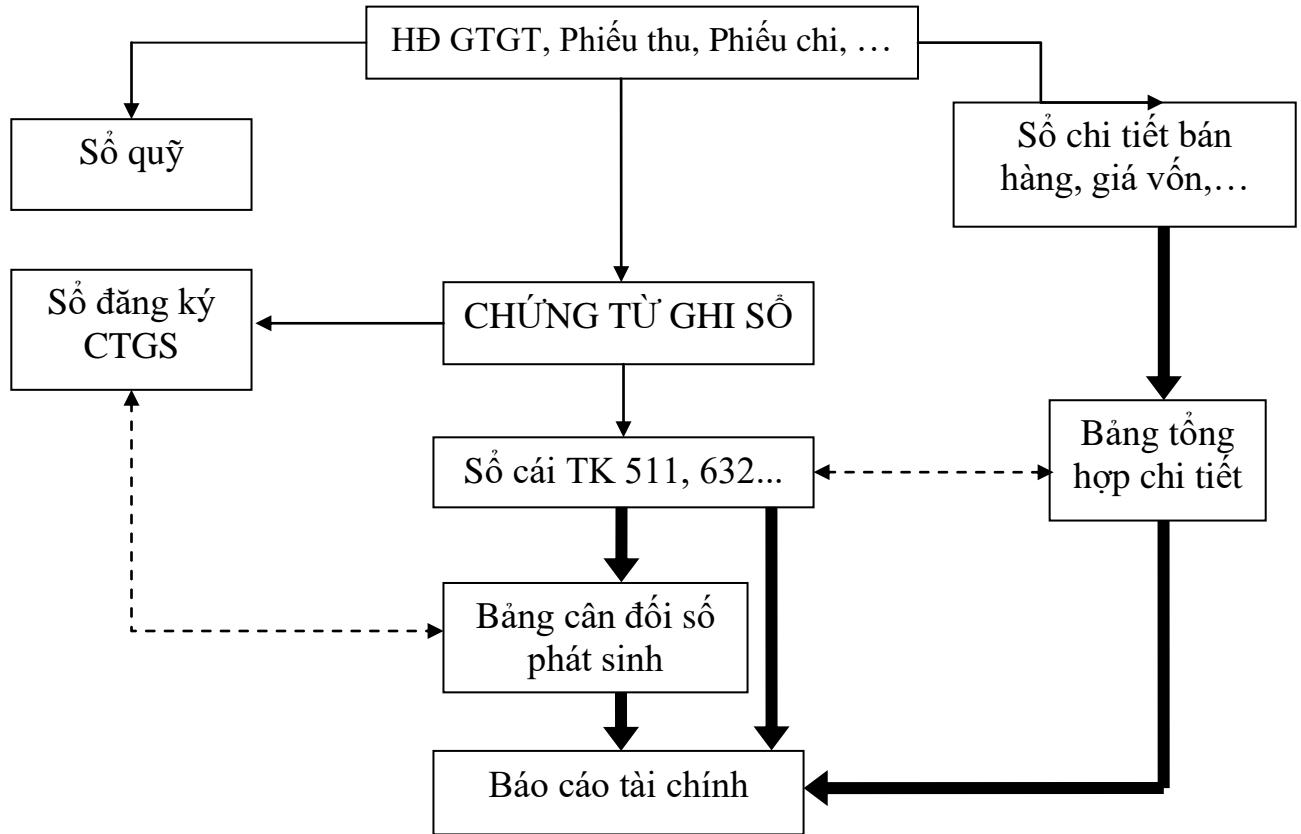
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

### 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

-Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.



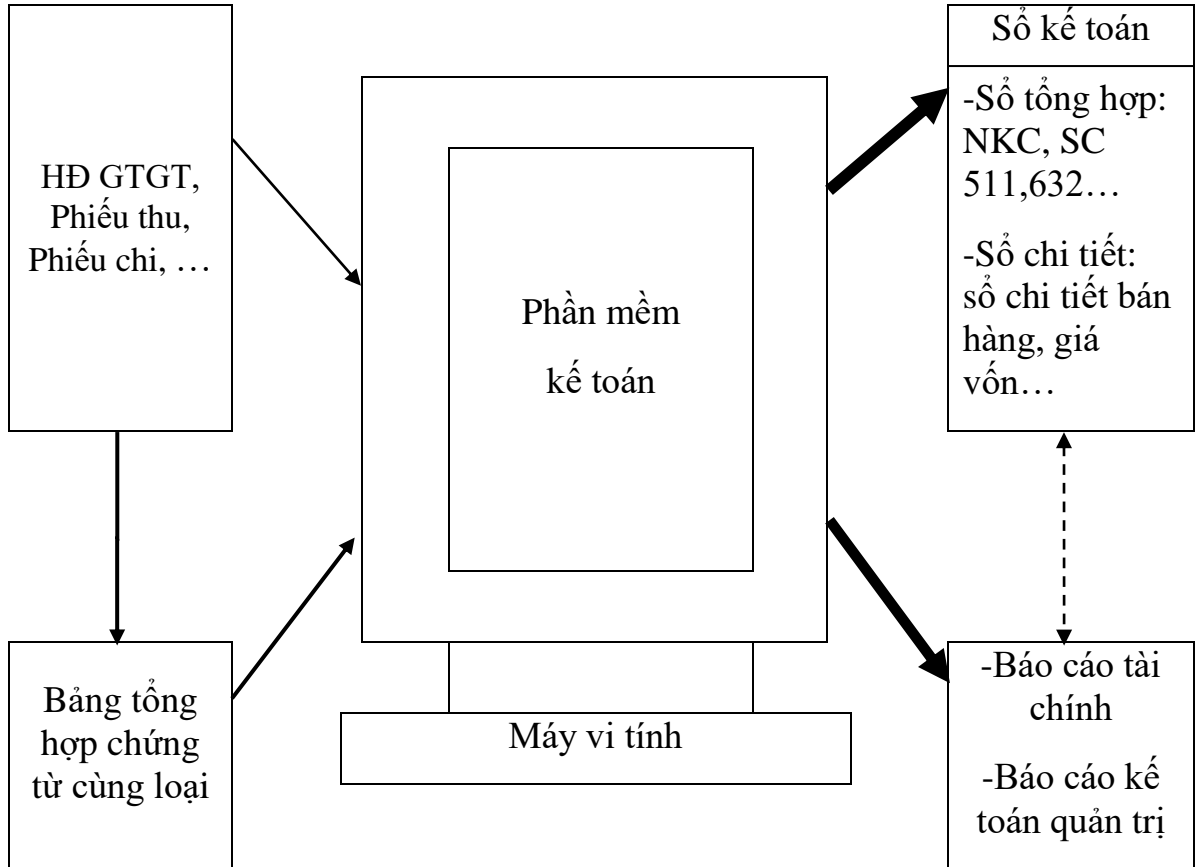
Ghi chú: Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$   
 Ghi cuối kỳ :  $\longrightarrow$   
 Quan hệ đối chiếu:  $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

### 1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký - sổ cái, Chứng từ ghi sổ. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy

vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.



↓

Ghi chú:      Nhập số liệu hàng ngày:  
                   In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:  
                   Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

*Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính*

**CHƯƠNG 2****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM****2.1. Khái quát về công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:**

- Tên công ty: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm
- Tên quốc tế là: Que Lam Forest Products Processing Limited Company
- Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Vốn điều lệ : 2.500.000.000 (VNĐ)
- Người đại diện pháp lý: Ông Đồng Quảng Quế
- Mã số thuế: 0201310692
- Lĩnh vực kinh doanh: Cưa, xẻ, bào gỗ, buôn bán và bảo quản gỗ, vận tải
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0201310692
- Điện thoại: 02253667566

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0201310692 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 09 năm 2013 với chức năng chuyên ngành là kinh doanh chế biến lâm sản, bán buôn hàng hóa lâm sản và khai thác bến thủy nội địa. Trong những năm đầu khởi nghiệp công ty chuyên sâu về thu mua và chế biến lâm sản tại các khu vực, tỉnh thành lân cận. Đến tháng 10 năm 2018 công ty quyết định mở rộng quy mô sản xuất và đầu tư xây dựng bến thủy nội địa Tiên Phòng 1 tại Hòa Bình phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa xuất khẩu. Công ty đã từng bước khẳng định được vị thế và uy tín của mình trong ngành chế biến lâm sản. Cho đến nay Công ty có một bộ máy hoạt động tuân thủ theo đúng chức năng nhiệm vụ, mục tiêu và ngành nghề kinh doanh được ghi trong điều lệ.

Tình hình sản xuất ngày một ổn định và đang trên đà phát triển, thu nhập bình quân của người lao động ngày một tăng cao. Đó là những tín hiệu đáng mừng chứng tỏ công ty đang hòa nhập tốt với cơ chế thị trường và sẽ phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

### **2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty:**

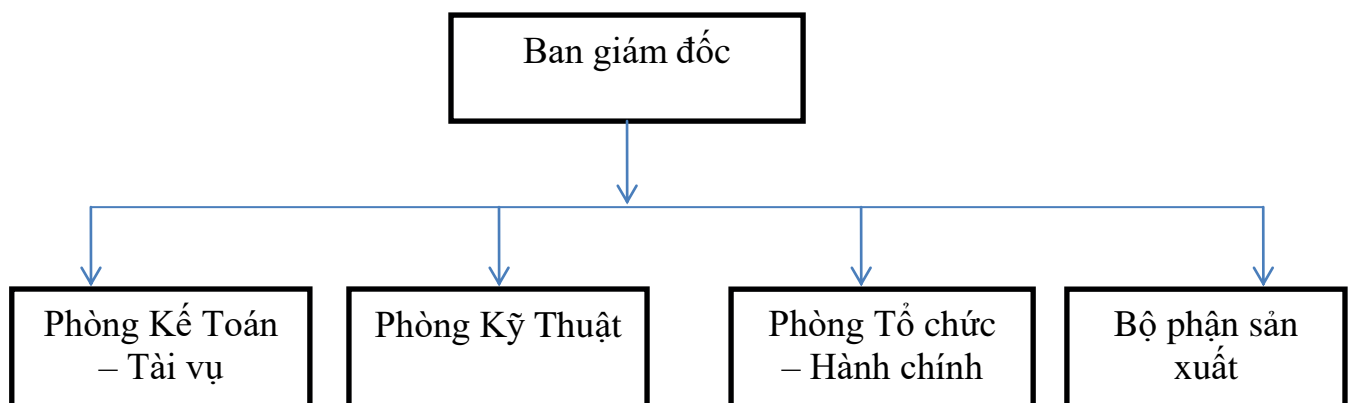
- Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm hoạt động và kinh doanh theo luật doanh nghiệp và các văn bản quy định khác. Công ty thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc kinh doanh sản xuất mặt hàng lâm sản.

- Ngành nghề kinh doanh của công ty :

- + Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- + Buôn bán gỗ dán, gỗ lạng, ván ép
- + Buôn bán đồ gỗ xây dựng, bao bì bằng gỗ
- + Vận tải

### **2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:**

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ giám đốc đến các phòng ban để thực hiện việc điều hành quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm đã bố trí đội ngũ cán bộ nhân viên phù hợp với trình độ cũng như yêu cầu của công ty:



Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

**✓ Ban giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.  
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.

- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền

nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Chịu trách nhiệm về những tổn thất do hoạt động kinh doanh kém hiệu quả

làm hao hụt, lãng phí tài sản, vật tư... theo chế độ quy định, việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ ngắn hạn và dài hạn của Ban Giám Đốc phải thông qua công nhân viên của Công ty.

**✓ Phòng Kế toán - Tài vụ:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

- Lập, trình, ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính- Kế toán hiện hành.

- Cập nhật phản ánh kịp thời đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào hệ

thống sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, thường xuyên đối chiếu và xử lý kịp thời các sai sót kế toán.

**✓ Phòng Kỹ thuật:**

- Tiếp nhận quản lý hồ sơ, tài liệu, dự toán, bản vẽ thiết kế.

-Phân công cán bộ giám sát, theo dõi tình hình gia công sản phẩm. Khi hoàn thành, cán bộ kỹ thuật xác định khối lượng thực hiện và chuyển cho phòng kế toán đối chiếu, kiểm tra và quyết toán đầu tư.

-Theo dõi tình hình xuất, nhập vật tư. Cung cấp vật tư theo kế hoạch và tiến độ gia công. Báo cáo vật tư theo quy định.

✓ **Phòng tổ chức - hành chính :**

-Chăm công và tính lương hàng tháng cho công nhân viên.

- Duy trì kỷ luật, an ninh trật tự và đạo đức nghề nghiệp trong công ty.

-Lưu giữ các hồ sơ cá nhân của người lao động.

- Lưu giữ công văn, giấy tờ pháp lý của công ty.

- Mua bảo hiểm cho công nhân viên.

- Bố trí, sắp đặt phương tiện đi lại, đặt chỗ khách sạn, thủ tục visa, hộ chiếu.

- Quản lý, cấp phát văn phòng phẩm, dụng cụ làm việc.

- Tham mưu giúp việc cho ban giám đốc công ty trong lĩnh vực hành chính quản trị, quản lý toàn bộ tài sản nhà đất, lưu trữ hồ sơ, lưu trữ các văn bản và thực hiện các thủ tục về thi đua khen thưởng trong toàn công ty.

✓ **Bộ phận sản xuất:**

-Thực hiện gia công, chế tạo sản phẩm theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.

- Kiểm soát tiến độ sản xuất và báo cáo tiến độ.

- Báo cáo giờ công và báo cáo sản xuất/năng suất.

-Kiểm soát công cụ, thiết bị làm việc và nhân lực.

- Sử dụng vật tư đúng mục đích và tiết kiệm.

-Lập kế hoạch, sắp xếp, sử dụng mặt bằng sản xuất phù hợp với yêu cầu công việc.

-Đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân lao động, hướng dẫn công việc.

- Kiểm soát tuân thủ các quy trình kỹ thuật, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

-Lập các báo cáo kiểm tra chất lượng các công đoạn gia công chế tạo.

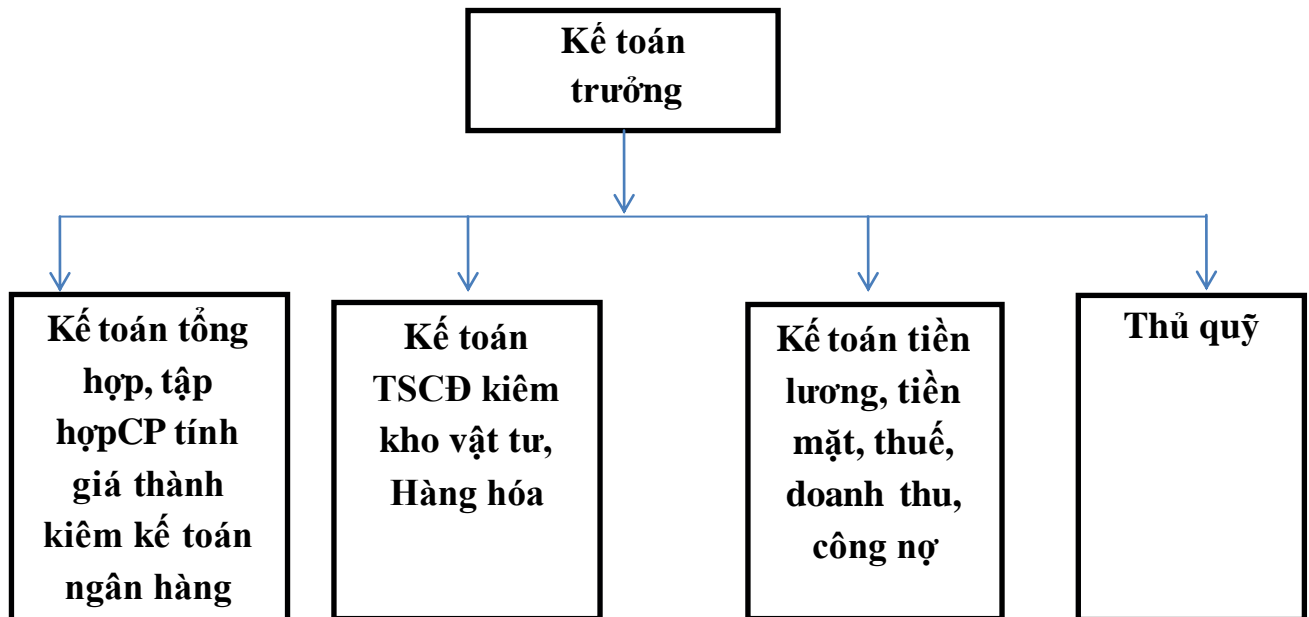
-Thực hiện nghiêm túc các biện pháp khắc phục sai hỏng và phòng ngừa rủi ro chất lượng.

- Đề xuất các biện pháp cải thiện tiến độ và đảm bảo chất lượng.

### 2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

#### 2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán.

**+Kế toán trưởng:** Phụ trách toàn bộ công tác kế toán của công ty. Chỉ đạo kiểm tra công tác kế toán của các kế toán viên, ký duyệt các chứng từ sổ sách. Hàng tháng, quý có trách nhiệm báo cáo với giám đốc và cơ quan nhà nước về thông tin kinh tế do mình cung cấp.

**+Kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí tính giá thành kiêm kế toán Ngân hàng:** Hàng tháng có trách nhiệm đối chiếu về số dư các tài khoản tiền gửi, tiền vay với ngân hàng. Đồng thời có nhiệm vụ theo dõi phân loại chi phí sản xuất, tính giá thành các loại sản phẩm do công ty sản xuất. Chịu trách nhiệm về việc tổng hợp theo dõi toàn bộ công tác kế toán của công ty cùng Kế toán trưởng.

**+Kế toán TSCĐ kiêm kho vật tư, hàng hoá:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, tình hình nhập xuất nguyên vật liệu đầu vào, hàng hoá trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

**+Kế toán tiền lương, tiền mặt, thuế, doanh thu, công nợ:** Hàng tháng



có trách nhiệm tính lương cho toàn bộ các cán bộ công nhân viên và công nhân trong công ty. Cuối quý, tháng tiến hành lập bảng phân bổ tiền lương và trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn... Có trách nhiệm theo dõi tình hình thanh toán, vay, nợ của công ty với khách hàng cũng như của các khách hàng với công ty. Đồng thời có trách nhiệm lập các báo cáo về thuế và tình hình nộp thuế cho ngân sách nhà nước. Hàng ngày cập nhật chứng từ, đối chiếu thường xuyên về tiền mặt đối với thủ quỹ, cuối tháng kiểm tra, đối chiếu khoá sổ tiền mặt đối với thủ quỹ, lập các sổ liên quan báo cáo Kế toán trưởng.

+**Thủ quỹ:** Cập nhật chứng từ thu chi, khoá sổ quỹ hàng ngày và báo cáo số dư tồn quỹ theo dõi trên sổ nhật ký. Hàng tháng kiểm tra đối chiếu và khoá sổ quỹ tiền mặt với kế toán tiền mặt đồng thời báo cáo Kế toán trưởng.

#### **2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.**

- Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ theo đường thẳng.
- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng (VNĐ)

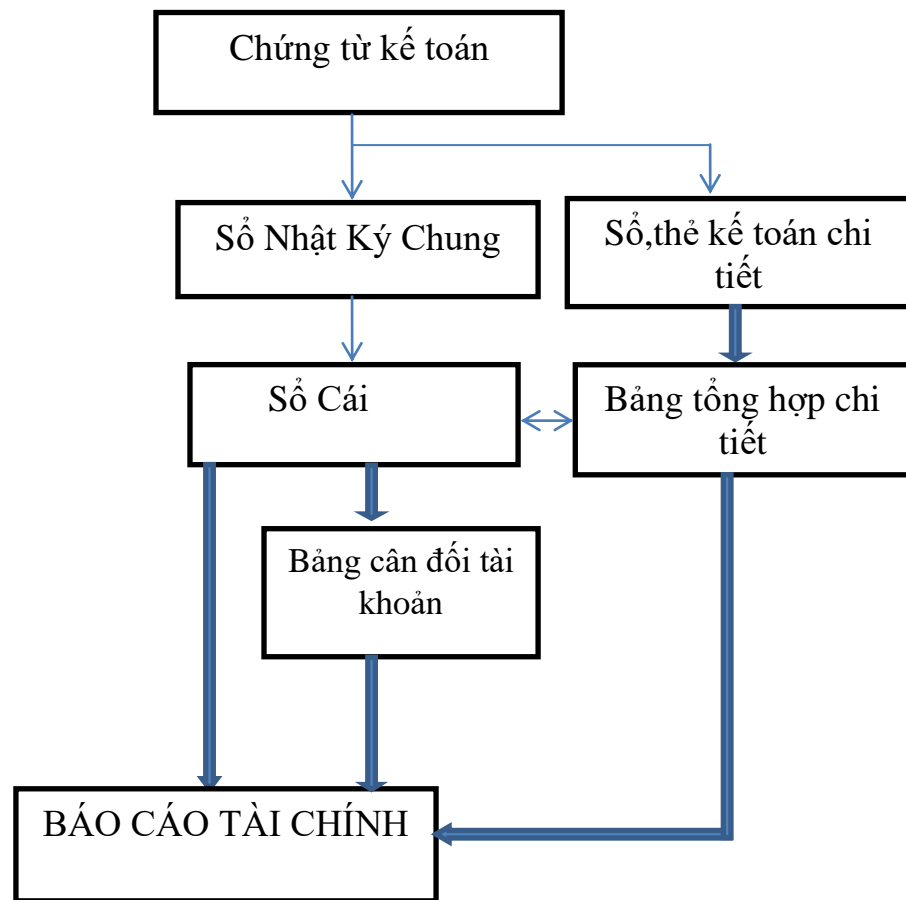
#### **2.1.4.3: Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán:**

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

**2.1.4.4: Hình thức kế toán:** Công ty áp dụng hình thức kế toán **Nhật ký chung**

và sử dụng các công cụ hỗ trợ như Word, Excel,... phục vụ công tác kế toán.

**-Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cuối kỳ, dựa vào các sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.



**Ghi chú:**

**Ghi hàng ngày** :

**Ghi định kỳ** :

**Quan hệ đối chiếu , kiểm tra:**

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

-Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, ghi chép vào sổ Nhật kí chung, đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Sau đó từ sổ Nhật kí chung, kế toán vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản lập bảng tổng hợp chi tiết. Từ sổ cái các tài khoản kế toán lập bảng cân đối số phát sinh (sau khi đã đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết).Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái các tài khoản kế toán lập báo cáo tài chính.

**2.1.4.5: Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán :**

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái

- Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

**2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:**

**2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:**

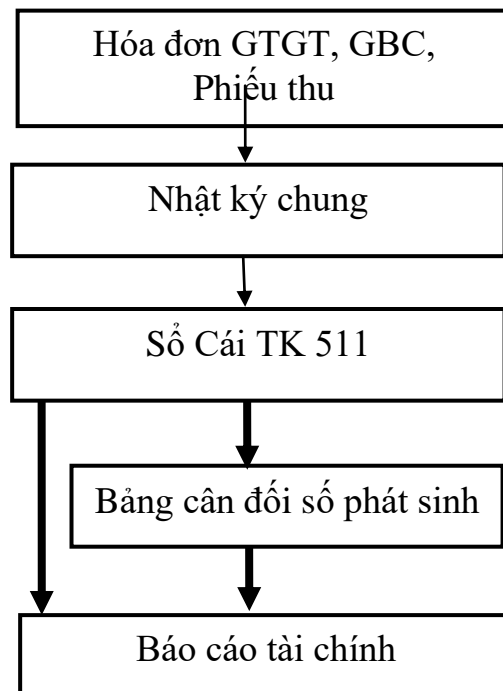
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...

2.2.1.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ hoặc cuối tháng →

Sơ đồ 2-4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

#### 2.2.1.4. Ví dụ minh họa

- ✓ **Ví dụ 1:** Ngày 25/11/2018, theo hóa đơn GTGT số 0002535 xuất bán củi trắng cho Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina. Tổng thanh toán 14.850.000 đồng, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112: 14.850.000

Có TK 511: 13.500.000

Có TK 3331: 1.350.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0002535 (Biểu số 2.1), Giấy báo có ngày 25/11/2018 (Biểu số 2.2) kê toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.4). Từ sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2.5).

- ✓ **Ví dụ 2:** Ngày 18/12/2018, công ty xuất bán dăm cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhàn theo HĐ GTGT 2764, chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ TK 131: 12.320.000

Có TK 511: 11.200.000

Có TK 3331: 1.120.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0002764 (Biểu số 2.3) kê toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.4). Từ sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2.5)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0002535

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
<i>(Liên 3: Lưu nội bộ)</i>		Ký hiệu: AA/18P			
Ngày 25 tháng 11 năm 2018		Số: <b>0002535</b>			
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM</b>					
Mã số thuế: 0201310692					
Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng					
Số tài khoản: 32110000433678 Tại Ngân hàng - BIDV Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Vũ Anh					
Tên đơn vị: <b>CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN- DẪM GỖ VINA</b>					
Mã số thuế: 5701527643					
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán: TM/CK					
Số tài khoản: 052100055666 tại Ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Hạ Long					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Củi trắng	Tấn	10	1.350.000	13.500.000
Cộng tiền hàng:					13.500.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.350.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.850.000
Viết bằng chữ: Mười bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Kế toán trưởng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, họ tên)</i>	

	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã GDV: NGUYEN
	<b>Ngày 25/11/2018</b>	Mã KH:0053194
Ngân hàng BIDV		Số GD:002511
Chi nhánh: Hải Phòng		
	Kính gửi: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm	
	Mã số thuế: 0201310692	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:		
Số tài khoản ghi Có: 32110000433678		
Số tiền bằng số: 14.850.000 VND		
Số tiền bằng chữ: Mười bốn triệu tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn		
Nội dung: Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina thanh toán tiền củi trắng theo HĐ GTGT số 0002535		
<b>Giao dịch viên</b>		<b>Kiểm soát</b>

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0002764

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> (Liên 3: Lưu nội bộ) Ngày 18 tháng 12 năm 2018			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/18P Số: <b>0002764</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM</b> Mã số thuế: 0201310692 Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng Số tài khoản: 32110000433678 Tại Ngân hàng - BIDV Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Trần Thanh Hoàng Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân Mã số thuế: 2802447357 Địa chỉ: Thôn Hải Sơn, xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa . Hình thức thanh toán: CK/TM Số tài khoản: 0721005188888 tại Ngân hàng : TMCP An Bình - CN Thanh Hóa					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Dăm	Tấn	7	1.600.000	11.200.000
Cộng tiền hàng:					11.200.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.120.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					12.320.000
Viết bằng chữ: Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, họ tên)	

## Biểu 2.4: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quý Lâm

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính:

VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
	....	....	.....		....	.....
20/11	HĐ2460	20/11	Bán gỗ cho Công Ty Lâm Sản Quảng Nam	131 511 3331	15.950.000	14.500.000 1.450.000
	....	....	.....		....	.....
25/11	HĐ2535 GBC2511	25/11	Bán củi trắng cho Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina	112 511 3331	14.850.000	13.500.000 1.350.000
25/11	PX 05/11	25/11	Giá vốn củi trắng	632 155	10.026.840	10.026.840
	.....	.....	.....		.....	.....
18/12	HĐ2764	18/12	Bán dăm cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân chưa thu tiền	131 511 3331	12.320.000	11.200.000 1.120.000
18/12	PX 15/12	18/12	Giá vốn dăm	632 155	9.537.500	9.537.500
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>150.192.592.738</b>	<b>150.192.592.738</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Biểu 2.5: Trích Sổ cái TK 511

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

**Mẫu số S03b-DNN**

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tên tài khoản:** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Số hiệu:** 511

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
	....	...	.....	....	...	....
20/11	HĐ2460	20/11	Bán gỗ cho Công Ty Lâm Sản Quảng Nam	131		14.500.000
	....	....	.....			
25/11	HĐ2535	25/11	Bán củi trắng cho Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina	112		13.500.000
	....	....	.....		....	
18/12	HĐ2764	18/12	Bán dăm cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân chưa thu tiền	131		11.200.000
	....	....	.....		....	
31/12	PKT32	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	8.383.440.016	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>8.383.440.016</b>	<b>8.383.440.016</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm**

Do công ty không mở sổ TK 621,622, 627 tất cả chi phí liên quan đến sản xuất, thương mại và dịch vụ vận tải được phản ánh tổng hợp trên TK 154 và sau đó kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn.

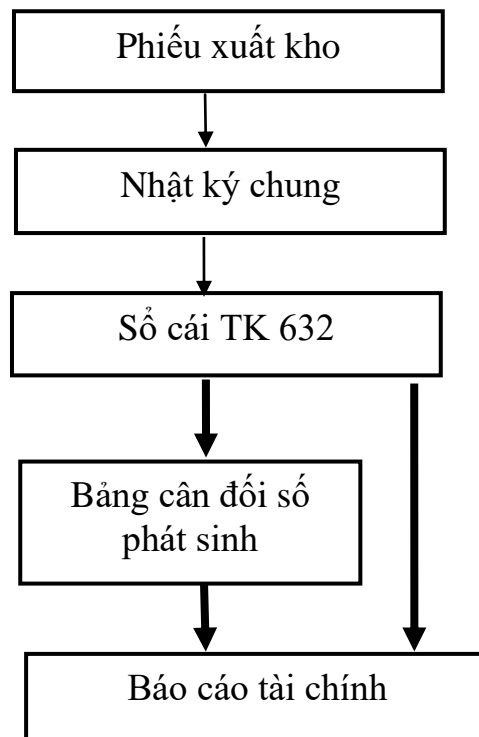
**2.2.2.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

**2.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

- TK 632 : Giá vốn hàng bán

**2.2.2.3. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán**



**Ghi chú:**   
 ←————→ Ghi hàng ngày   
 —————→ Ghi định kỳ hoặc cuối tháng

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

**2.2.2.4. Ví dụ minh họa**

VD3: Ngày 25/11/2018, công ty xuất bán củi trắng cho Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina, theo HĐ0002535, kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 10.026.840

Có TK 155: 10.026.840

Cách xác định đơn giá xuất kho củi trắng:

+ Ngày 1/11 tồn kho củi trắng: 15 tấn, đơn giá 1.000.570 đồng/ tấn

+ Ngày 10/11 nhập kho củi trắng: 10 tấn, đơn giá 1.005.856 đồng/ tấn

+ Ngày 25/11 xuất bán 10 tấn

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của củi} \\ \text{trắng 25/11} \end{array} = \frac{15 \times 1.000.570 + 10 \times 1.005.856}{15 + 10} = 1.002.684$$

Trị giá xuất kho ngày 25/11:  $10 \times 1.002.684 = 10.026.840$  đồng

Từ phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ Nhật ký chung, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ cái tài khoản 632,155

VD4: Ngày 18/12/2018, công ty xuất bán dăm cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân, kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 9.537.500

Có TK 155: 9.537.500

Cách xác định đơn giá xuất kho dăm:

+ Ngày 1/12 tồn kho dăm: 5 tấn, đơn giá 1.355.000 đồng/tấn

+ Ngày 8/12 nhập kho dăm : 5 tấn, đơn giá 1.370.000 đồng/ tấn

+ Ngày 18/12 xuất bán 7 tấn

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của dăm} \\ \text{18/12} \end{array} = \frac{5 \times 1.355.000 + 5 \times 1.370.000}{5 + 5} = 1.362.500 \text{ đồng /tấn}$$

Trị giá xuất kho ngày 18/12:  $7 \times 1.362.500 = 9.537.500$  đồng

Từ phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ Nhật ký chung, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ cái tài khoản 632,155

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho số 05/11

Công ty TNHH Chế Biến Lâm sản Quế Lâm Mẫu số 02-VT  
 Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn (Ban hành theo TT 133/2016 BTC  
 Quận Lê Chân, Hải Phòng ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 25 tháng 11 năm 2018

Số 5/11

Nợ TK 632: 10.026.840

Có TK 155: 10.026.840

Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Trung Kiên

Đơn vị: Phòng kinh doanh

Lý do xuất: Xuất hàng bán

Xuất tại kho

ST T	Tên thành phẩm,hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Cùi trắng		tấn	10	10	1.002.684	10.026.840
<b>TỔNG</b>							<b>10.026.840</b>

Tổng tiền (bằng chữ): Mười triệu không trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng

Ngày 25 tháng 11 năm 2018

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc  
 (đã ký) (đã ký) (đã ký) (đã ký) (đã ký)

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 15/12

Công ty TNHH Chế Biến Lâm sản Quế Lâm Mẫu số 02-VT  
 Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn (Ban hành theo TT 133/2016 BTC  
 Quận Lê Chân, Hải Phòng ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

Số 15/12

Nợ TK 632: 9.537.500

Có TK 155: 9.537.500

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Mạnh Cường

Đơn vị: Phòng kinh doanh

Lý do xuất: Xuất hàng bán

Xuất tại kho

ST T	Tên thành phẩm,hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Dấm		tấn	7	7	1.362.500	9.537.500
<b>TỔNG</b>							<b>9.537.500</b>

Tổng tiền (bằng chữ): Chín triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng

Ngày 18 tháng 12 năm 2018

Người lập phiếu (đã ký)	Người nhận hàng (đã ký)	Thủ kho (đã ký)	Kế toán trưởng (đã ký)	Giám đốc (đã ký)
----------------------------	----------------------------	--------------------	---------------------------	---------------------

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

**Mẫu số S03a-DNN**

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2018**

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
	....	....	.....		....	.....
20/11	HĐ2460	20/11	Bán gỗ cho Công Ty Lâm Sản Quảng Nam	131	15.950.000	
				511		14.500.000
				3331		1.450.000
	....	....	.....		....	.....
25/11	HĐ2535 GBC2511	25/11	Bán củi trắng cho Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina	112	14.850.000	
				511		13.500.000
				3331		1.350.000
25/11	PX 05/11	25/11	Giá vốn củi trắng	632	10.026.840	
				155		10.026.840
	.....	.....	.....		.....	.....
18/12	HĐ2764	18/12	Bán dăm cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân chưa thu tiền	131	12.320.000	
				511		11.200.000
				3331		1.120.000
18/12	PX 15/12	18/12	Giá vốn dăm	632	9.537.500	
				155		9.537.500
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>150.192.592.738</b>	<b>150.192.592.738</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*  
**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 632

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tên tài khoản:** Giá vốn hàng bán

**Số hiệu:** 632

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
	....	...	.....	....	...	....
25/11	PX05/11	25/11	Bán củi trắng cho Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina	155	10.026.840	
	....	...	.....	....	...	....
18/12	PX15/12	18/12	Bán dăm cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân	155	9.537.500	
	....	....				
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632		5.563.064.928
			<b>Cộng SPS</b>		<b>5.563.064.928</b>	<b>5.563.064.928</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.3 Thực trạng công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty**

**TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:**

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

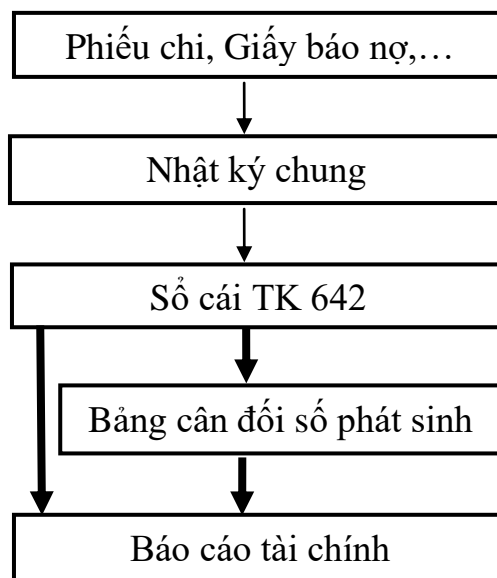
- ✓ Bảng thanh toán lương; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- ✓ Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng,...

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- Tk 642 : Chi phí quản lý kinh doanh
- =Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 133...

2.2.3.3. Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm sản Quế Lâm



Ghi chú:       $\longrightarrow$       Ghi hàng ngày  
                   $\longrightarrow$       Ghi định kỳ hoặc cuối tháng

2.2.3.4. Ví dụ minh họa:

Ngày 15/10/2018, thanh toán tiền mua văn phòng phẩm của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Việt Thắng , số tiền 2.128.500 VNĐ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 1.935.000

Nợ TK 133: 193.500

Có TK: 2.128.500



<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</p> <p>Liên 2: Giao cho khách hàng</p> <p>Ngày 15 tháng 10 năm 2018</p>			<p>Mẫu số: 01GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: AA/18P</p> <p>Số 0002382</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT THẮNG</b></p> <p>Mã số thuế: 0200635871</p> <p>Địa chỉ: Số 18A/646 Thiên Lôi, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.</p> <p>Số tài khoản: 0951004178679 tại Ngân hàng Vietcombank Hải Phòng</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Hà</p> <p>Tên đơn vị: Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm</p> <p>Mã số thuế: 0201310692</p> <p>Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân .</p> <p>Số TK: 32110000433678 Ngân hàng : BIDV</p> <p>Hình thức thanh toán: Tiền mặt</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Double A A4 ĐL 70GSM	Thùng	15	63.000	945.000
2	Ghim dập số 10 plus	Hộp	30	3.000	90.000
3	Bút bi TL- 024	Hộp	30	30.000	900.000
					Cộng tiền hàng: 1.935.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 193.500
					Tổng cộng tiền hàng: 2.128.500
Số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng chẵn ./					
<p><b>Người mua hàng</b></p> <p>(Ký, họ tên)</p>		<p><b>Người bán hàng</b></p> <p>(Ký, họ tên)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b></p> <p>(Ký, đóng dấu, họ tên)</p>	

Biểu số 2.13: Phiếu chi số 332

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản  
Quê Lâm**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa,  
Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải  
Phòng**Mẫu số 02 - TT**  
(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC)  
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU CHI**

Ngày 15 tháng 10 năm 2018

Số : 332

Nợ 642: 1.935.000

Nợ 133: 193.500

Có 111: 2.128.500

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hà

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Việt Thắng

Lý do chi: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Viết bằng chữ: Hai triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng chẵn./

Kèm theo .....Chứng từ gốc:

Ngày 15 tháng 10 năm 2018

**Giám đốc****Kế toán  
trưởng****Thủ quỹ****Người lập  
phiếu****Người nhận  
tiền**(Ký, họ tên, đóng  
dấu)(Ký, họ  
tên)(Ký, họ  
tên)(Ký, họ  
tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.14: Trích Sổ Nhật ký chung

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

**Mẫu số S03a-DN**

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2018**

*Đơn vị tính: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
	....	....	....		....	....
10/10	PC358	10/10	Thanh toán nước uống quý 3/2018	642 133 111	1.540.000 154.000	1.694.000
	....	....	....		....	....
12/10	PC423	12/10	Thanh toán tiền quảng cáo online	642 133 111	4.500.000 450.000	4.950.0000
	....	....	....		....	....
15/10	HĐ2382 PC332	15/10	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642 133 111	1.935.000 193.500	2.128.500
	....	....	....		....	....
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh 2018	911 642	1.722.915.253	1.722.915.253
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>150.192.592.738</b>	<b>150.192.592.738</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu 2.15: Trích Sổ cái TK 642

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản**Mẫu số S03b-DN**

Quế Lâm

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC)

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa,

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải

Phòng

**SỔ CÁI****Năm 2018****Tên tài khoản:** Chi phí quản lý kinh doanh**Số hiệu:** 642

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
	....	...	.....	....	...	....
10/10	PC358	10/10	Thanh toán nước uống quý 3/2018	111	1.540.000	
	....	...	.....	....	...	....
12/10	PC423	12/10	Thanh toán tiền quảng cáo online	111	4.500.000	
	....	...	.....	....	...	....
15/10	HĐ2382 PC332	15/10	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.935.000	
	....	....	.....			
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh 2018	911		1.722.915.253
			<b>Cộng SPS</b>		<b>1.722.915.253</b>	<b>1.722.915.253</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.4 Thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm**

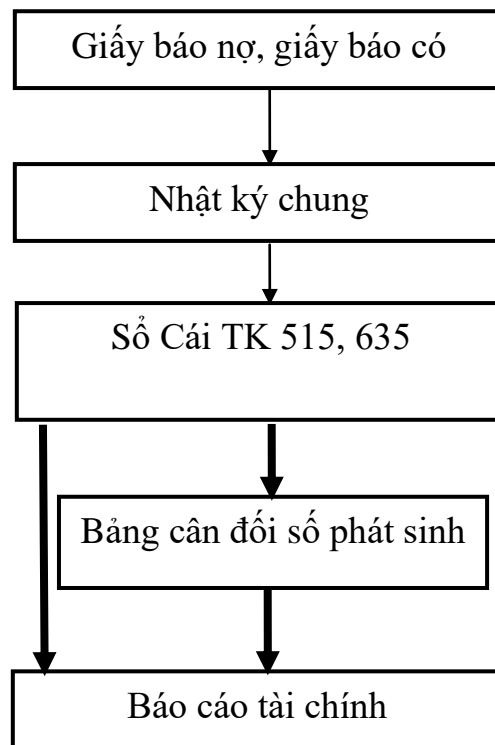
**2.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

**2.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính

**2.2.4.3. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



**Ghi chú:**   
 → Ghi hàng ngày   
 ==> Ghi định kỳ hoặc cuối tháng

*Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí tài chính tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm*

**2.2.4.4. Ví dụ minh họa :**

Ngày 30/11/2018 Ngân Hàng BIDV gửi giấy báo có thông báo về việc lãi nhập vốn với số tiền: 256.890 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng (biểu 2.16), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.17), sau đó tiến hành ghi vào Sổ cái TK 515 (biểu 2.18)

Biểu 2.16: Giấy báo có số 2152

 NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM		<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã GDV: NGUYEN HANG
Ngân hàng BIDV		Ngày 30/11/2018	Mã KH:0053194
Chi nhánh: Hải Phòng			Số GD:003011
Kính gửi: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm			
Mã số thuế: 0201310692			
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:			
Số tài khoản ghi Có: 32110000433678			
Số tiền bằng số: 256.890			
Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi đồng			
Nội dung: Lãi nhập vốn			
<b>Giao dịch viên</b>		<b>Kiểm soát</b>	

## Biểu 2.17: Trích Sổ Nhật ký chung

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

**Mẫu số S03a-DN**  
(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC)  
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
	....	....	.....		....	.....
15/10	HĐ2382 PC332	15/10	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	642	1.935.000	
				133	193.500	
				111		2.128.500
	....	....	.....		....	.....
31/10	GBC 3110	31/10	Lãi nhập vốn tháng 10/2018	112	212.590	
				515		212.590
	...	...	...		...	...
30/11	GBC 3011	30/11	Lãi nhập vốn tháng 11/2018	112	256.890	
				515		256.890
	....	....	.....		....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>150.192.592.738</b>	<b>150.192.592.738</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**Người đại diện theo pháp luật**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu 2.18: Trích Sổ cái TK 515

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DN**  
(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC)  
Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI****Năm 2018****Tên tài khoản:** Doanh thu hoạt động tài chính**Số hiệu:** 515

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
	....	...	.....	....	...	....
31/10	GBC 3110	31/10	Lãi nhập vốn tháng 10/2018	112		212.590
30/11	GBC 3011	30/11	Lãi nhập vốn tháng 11/2018	112		256.890
	....	...	.....	....	...	....
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	4.842.116	
			<b>Cộng SPS</b>		<b>4.842.116</b>	<b>4.842.116</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người đại diện theo pháp****luật**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**2.2.5 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty**

**TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:**

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng

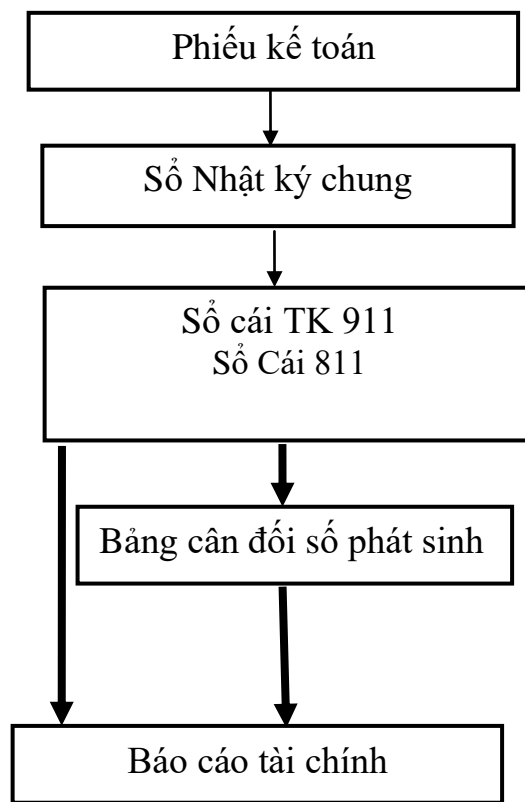
-Phiếu kế toán

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

-TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

-Các TK liên quan: TK 821, 421, 632, 635, 642, 511, 515

2.2.5.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày

—————> Ghi định kỳ hoặc cuối tháng

Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

## 2.2.5.4. Ví dụ :

Ngày 31/12/2018, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh năm 2018. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	8.383.440.016
- Giá vốn hàng bán:	5.563.064.928
- Doanh thu hoạt động tài chính:	4.842.116
- Chi phí quản lý kinh doanh :	1.722.915.253

Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kê toán số 32, 33, 34, 35, 36 (Biểu 2.19, 2.20, 2.21, 2.22, 2.23). Từ các phiếu kê toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu 2.24) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (Biểu 2.25), sổ cái TK 821 (Biểu 2.36), sổ cái TK 421 (Biểu 2.27). Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (Biểu 2.28)

Biểu 2.19: Phiếu kê toán số 32

Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm  
Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KÊ TOÁN**

Số: 32

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	8.383.440.016
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.842.116
	<b>Cộng</b>			<b>8.388.282.132</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Biểu 2.20: Phiếu kế toán số 33

Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm  
Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân,  
Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 33

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	5.563.064.928
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.722.915.253
	<b>Cộng</b>			<b>7.285.980.181</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 34

Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 34

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	220.460.390
	<b>Cộng</b>			<b>220.460.390</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 35

Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 35

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	220.460.390
	<b>Cộng</b>			<b>220.460.390</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 36

Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm  
 Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 36

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2018	911	421	881.841.561
	<b>Cộng</b>			<b>881.841.561</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

Biểu 2.24:Trích Sổ Nhật ký chung

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản

**Mẫu số S03b-DN**

Quế Lâm

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa,

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải

Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2018**

*Đơn vị tính: VNĐ*

12	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		TK đối ứng	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
	....	....	.....		....	.....
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển doanh thu	511	8.383.440.016	
				515	4.842.116	
				911		8.388.282.132
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển chi phí	911	7.285.980.181	
				632		5.563.064.928
				642		1.722.915.253
31/12	PKT 34	31/12	Xác định thuế TNDN	821	220.460.390	
				3334		220.460.390
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	220.460.390	
				821		220.460.390
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	881.841.561	
				421		881.841.561
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>150.192.592.738</b>	<b>150.192.592.738</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.25: Trích Sổ cái TK 911

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản  
 Quế Lâm

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa,  
 Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải  
 Phòng

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tên tài khoản:** Xác định kết quả kinh doanh

**Số hiệu:** 911

12	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		8.383.440.016
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		4.842.116
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	5.563.064.928	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.722.915.253	
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	220.460.390	
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	881.841.561	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>8.388.282.132</b>	<b>8.388.282.132</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**Người đại diện theo pháp luật**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Biểu 2.26: Trích Sổ cái TK 821

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản  
 Quế Lâm

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa,  
 Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải  
 Phòng

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tên tài khoản:** Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

**Số hiệu:** 821

12	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
31/12	PKT34	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	220.460.390	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		220.460.390
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>220.460.390</b>	<b>220.460.390</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

**Người lập biểu**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*  
**Người đại diện theo pháp  
 luật**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.27: Trích Sổ cái TK 421

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản

Quế Lâm

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa,

Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải

Phòng

**Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2018**

**Tên tài khoản:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

**Số hiệu:** 421

12	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			<b><u>1.780.545.320</u></b>
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển lãi	911		881.841.561
			<b>Cộng số phát sinh có PS cả 2 bên k</b>		<b>881.841.561</b>	<b>881.841.561</b>
			<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			Tính lại số dư

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**Người đại diện theo pháp**

**luật**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Biểu 2.28 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Mẫu số B02-DNN

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường  
Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
NĂM 2018**

Đơn vị tính: VNĐ

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.383.440.016	8.740.236.985
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.383.440.016	8.740.236.985
4. Giá vốn hàng bán	11		5.563.064.928	6.521.485.364
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.820.375.088	2.218.751.621
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.842.116	2.136.587
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		1.722.915.253	1.258.487.452
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		1.102.301.951	962.400.756
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.102.301.951	962.400.756
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		220.460.390	192.480.151
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		881.841.561	769.920.605

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên)

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM**

### **3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:**

Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh. Trong lịch sử phát triển của mình, Công ty đã đạt được những thành công to lớn, song cũng gặp không ít những khó khăn, nhất là nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường. Trong quá trình ấy, Công ty đã chủ động đề ra những giải pháp về mặt kinh tế, kỹ thuật có hiệu quả nhằm khắc phục những khó khăn, hoà nhập vào nền kinh tế của thị trường.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

#### **▪ Ưu điểm**

##### *3.1.1.1. Về tổ chức quản lý kinh doanh:*

Về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, mọi chứng từ sổ sách đều tập trung tại phòng kế toán chịu sự kiểm soát trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy, số liệu luân chuyển qua các sổ sách đều chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý: Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với ngành nghề kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý. Nhân viên có

năng lực, nhiệt tình trong công việc, trình độ nghiệp vụ kế toán của cán bộ kế toán luôn được nâng cao.

Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

Về hệ thống tài khoản: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm sử dụng hệ thống tài khoản theo đúng quy định của Bộ tài chính, ngoài ra còn xây dựng hệ thống tài khoản cấp 2 theo đặc điểm riêng của công ty một cách đầy đủ và chi tiết nhất

Về hệ thống chứng từ, tài khoản:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng mẫu do Bộ tài chính ban hành.
- Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số TT133/2016/QĐ-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ tài chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

Về hệ thống báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

### 3.1.1.2. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

#### a. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu :

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo, nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

#### b. Về công tác kế toán chi phí:

*Chi phí* là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

*c. Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:*

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

### **3.1.2: Hạn chế:**

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là hạn chế của Công ty:

+Về hình thức kế toán:

Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công dùng trên Excel nên đôi khi vẫn có những sai sót về số liệu. Vì vậy Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

+Về hệ thống sổ kế toán : Công ty nên mở sổ chi tiết cho 642 để theo dõi chi tiết và cụ thể hơn các yếu tố chi phí.

+Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán : Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

+Không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi : Hiện nay doanh nghiệp có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó doanh nghiệp chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phai thu khó đòi, đó là một bất lợi cho doanh nghiệp.

### **Ví dụ 3.1: Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm**

Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2018**Đơn vị tính: **Đồng**

STT	Tên công ty	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Ghi chú
1	Công ty Cổ Phần thương mại lâm sản Hải Phòng	43.550.200			43.550.200	1 năm 8 tháng
2	Công ty gỗ Bảo Minh	15.000.000			15.000.000	9 tháng
3	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng thương mại Sinh Thái	38.980.000		38.980.000		
4	Công ty TNHH Phú Quý Việt Nam	21.000.000	21.000.000			
5	Công ty TNHH lâm sản và dvtm Mạnh Vân	85.700.000			85.700.000	7 tháng
6	Công ty lâm sản Quảng Nam	50.460.000			50.460.000	1 năm 3 tháng
....	.....					
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.791.200.000</b>	<b>878.200.000</b>	<b>657.342.100</b>	<b>194.710.200</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### **3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:**

#### **3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.**

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua vào đến khâu tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác. Nếu quản lý tốt, công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc. Đồng thời sẽ giúp được kế toán đưa ra được những thông tin chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

#### **3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.**

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ



kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

### 3.2.2.1 Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp kế toán đưa ra các báo cáo chính xác, nhanh chóng nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng. Sau đây em xin giới thiệu qua về các phần mềm kế toán khá phổ biến ở Việt Nam:

- ✓ **Phần mềm MISA.NET2017 giá: 12.950.000 đồng**



**Ưu điểm:**

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt. Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm kế toán MISA cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một CSDL độc lập.
- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.
- Tính chính xác: số liệu tính toán trong MISA rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.
- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền ( trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

**Nhược điểm:**

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.
- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.
- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.
- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo

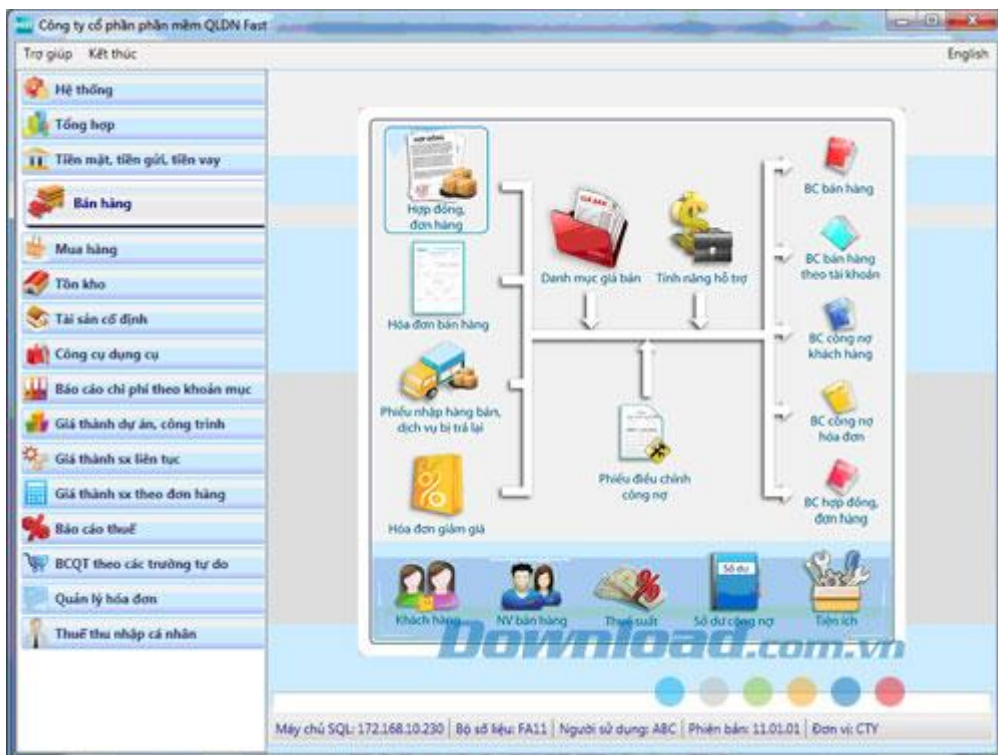
**✓ Phần mềm kế toán EFFECT:**

EFFECT Standard là phần mềm đóng gói, đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng. Phiên bản dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ có khối lượng dữ liệu phát sinh không quá lớn. Nếu doanh nghiệp có nhu cầu quản trị cao hơn so với việc làm kế toán theo chế độ thì doanh nghiệp cũng có thể nâng cấp lên phiên bản EFFECT Standard2 hoặc các dòng sản phẩm Customize khác.



✓ **Phần mềm kế toán Fast Accounting:**

Phần mềm kế toán Fast Accounting phát triển từ năm 1997. Hiện này có hơn 15.000 khách hàng. Phần mềm làm việc qua internet với tốc độ cực nhanh và có thể thực hiện chỉnh sửa theo yêu cầu của từng khách hàng.



**3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty**

Hiện nay, khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, Sổ cái), chưa mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng.

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1), sổ chi tiết giá vốn (biểu 3.2) giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng, từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Bên cạnh đó, công ty chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh. Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2) giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Căn cứ vào Sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632 - chi tiết cho từng mặt hàng, ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng, ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng. Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng A} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng A}$$

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh ta lập Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng ( Biểu 3.3). Để theo dõi kết quả kinh doanh cuối cùng của từng mặt hàng kế toán có thể mở Sổ chi tiết cho TK 911( Biểu 3.4 ).

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S16-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)

Mã hàng hóa:

Năm:

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.1 - Sổ chi tiết bán hàng**

Đơn vị:.....

Mẫu số S16-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/8/2016 của BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các tài khoản 154, 631, 642,142,242,632)

Tài khoản:.....

Tên phân xưởng:.....

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK.....					
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Chia ra				
						...	...	...	...	...
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK ...							
			Số dư cuối kỳ							

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.2 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG MẶT HÀNG**

Năm :

STT	Tên hàng hóa					Kết quả kinh doanh
		Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng	
	....					
	<b>Cộng</b>					

Ngày ..... tháng .....năm .....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.3 - Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng**

Đơn vị: .....  
 Địa chỉ: .....

Mẫu số S16-DNN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN**  
**(Dùng cho các TK: 138, 141,.....911)**

Tên tài khoản:.....Số hiệu:.....  
 Đối tượng:.....

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ		GHI CHÚ
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có	
1	2	3	4		5	6	7	8	9

- Sổ này có .....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....  
 - Ngày mở sổ :.....

Người ghi sổ

Ngày ... tháng ... năm ...  
 Kế toán trưởng

**Biểu 3.4 - Mẫu Sổ chi tiết tài khoản 911**



**Ví dụ:**

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng cụ thể.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số: 0002535, kế toán vào sổ chi tiết bán hàng cho nhóm mặt hàng cũi (**Biểu 3.5**). Căn cứ vào phiếu xuất kho 05/11, kế toán vào sổ chi tiết giá vốn cho nhóm mặt hàng cũi (**Biểu 3.6**).

Với các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh. Kế toán tiến hành vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh ( **Biểu 3.7**) để theo dõi cụ thể từng yếu tố chi phí phát sinh.

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Nhóm Củi Mã hàng hóa:

Năm: 2018

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			Phát sinh trong năm						
25/11	GBC25 11	25/11	Bán củi trắng cho Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina	112	10	1.350.000	13.500.000		
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán						

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.5- Sổ chi tiết bán hàng (Nhóm Củi)**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

BTC ngày 26/8/2016 của BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: Nhóm Củi

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 632		
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số phát sinh trong kỳ				
25/11	PX05/11	25/11	Bán củi trắng cho Công ty TNHH chế biến lâm sản - dăm gỗ Vina	155	10.026.840	10	1.002.684
			...				
			Cộng phát sinh trong kỳ				
			Ghi Có TK 632	911			
			Số dư cuối kỳ				

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.6 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/r	Ghi nợ TK 6421				
	SH	Ngày			Số tiền	Chia ra			
						Lượng	Vật liệu	...	Dịch vụ mua ngoài
			Số phát sinh trong kỳ						
15/10	PC332	15/10	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.935.000		1.935.000		
			...						
			Cộng phát sinh trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)**Biểu số 3.7 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

**3.2.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ công nhân viên đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

**Đơn vị:** Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

**Địa chỉ:** Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

**SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Tháng ..... năm .....

Ngày, tháng	Loại chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

**3.2.2.4 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Hiện nay, Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được.

Làm được điều này sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như phương hướng lập phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước, công ty có thể tham khảo nếu như trong tương lai xuất hiện tình trạng nợ phải thu khó đòi.

**Điều kiện lập dự phòng:** Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi doanh nghiệp có thể áp dụng.

Trước hết doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên. Trong đó:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Đối với khoản nợ thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.... thì doanh nghiệp dự tính mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

**Tài khoản sử dụng:** Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và

hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán:

TK 229 : Dự phòng tổn thất tài sản.

TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

### **Kết cấu tài khoản: TK 2293**

#### **Bên Nợ:**

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào các đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra. Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa số

#### **Bên Có:**

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Số dư bên Có:** Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ

*Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:*

- + Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

- + Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở năm nay lớn hơn số đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ hải thu khó đòi cần trích lập ở năm nay nhỏ hơn so với năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ.

Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112...- Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có TK 131, 138 : ....

**Ví dụ 3.2:** Số tiền cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của công ty xác định được cuối năm 2018 như sau:

**Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm**

Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân



**BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI***Tại ngày 31/12/2018*

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty Cổ Phần thương mại lâm sản Hải Phòng	43.550.200	1 năm 8 tháng	50%	21.775.100
2	Công ty gỗ Bảo Minh	15.000.000	9 tháng	30%	4.500.000
3	Công ty TNHH lâm sản và dvtm Mạnh Vân	85.700.000	7 tháng	30%	25.710.000
4	Công ty lâm sản Quảng Nam	50.460.000	1 năm 3 tháng	50%	25.230.000
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>194.710.200</b>			<b>83.215.100</b>

Ngày 31 tháng 12 năm

2018

**Người lập biểu***(Ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi rõ họ tên)*

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Nợ TK 6422 : 83.215.100

Có TK 2293 : 83.215.100

**KẾT LUẬN**

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là bộ phận quan trọng khi tiến hành hạch toán kế toán. Số liệu chính xác và trung thực từ việc xác định kết quả kinh doanh sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất, tăng thu nhập.

Đề tài khoá luận: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

Về mặt lý luận: Khoá luận trình bày những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Về mặt thực tế: Khoá luận đã phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Về mặt giải pháp: Khoá luận đã đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm. Cụ thể:

- Công ty nên mở thêm số chi tiết bán hàng, giá vốn
- Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán
- Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Do thời gian thực tập có hạn, kiến thức của bản thân còn hạn chế nên bài khoá luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo. Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán đã tận tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho bài biết này. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến cô giáo hướng dẫn ThS. Nguyễn Thị Mai Linh – người đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khoá luận này.

Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2020

Sinh viên

Trần Thị Hoa

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ✓ Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
- ✓ Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
- ✓ *Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC* Ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC, *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*. Bộ tài chính
- ✓ Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm (2018), *Tài liệu. sổ sách kế toán*
- ✓ Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.